TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/DS-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Quốc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 153/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L:

1. Anh Trần Đăng K, sinh năm 1996, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Nguyễn Huỳnh Diệp T, sinh năm 2001, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị X, sinh năm 1971, (vắng mặt);

Ông Lê Minh H, sinh năm 1970, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 24/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị L có đại diện theo ủy quyền là anh Trần Đăng K trình bày:***

Vào ngày 31/3/2022 (Ngày 29/02/2022 âm lịch), vợ chồng bà X, ông H có

mượn của bà L số tiền 78.000.000 đồng để vợ chồng bà X, ông H chi tiêu trong gia đình. Khi mượn tiền, bà X có làm giấy mượn tiền cho bà L và hứa khi nào bà L cần lấy lại tiền thì thông báo trước một tháng, vợ chồng bà X và ông H sẽ trả đủ số tiền trên cho bà L.

Vào tháng 02/2023, bà L yêu cầu vợ chồng bà X, ông H trả cho bà L số tiền 78.000.000 đồng như thỏa thuận thì bà X, ông H hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn không thực hiện. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà X, ông H trả cho bà L số tiền vay là 78.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai ngày 22/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị X trình bày:***

Giấy mượn tiền ngày 29/02/2022 âm lịch là do bà viết và ký tên nhưng số tiền này gồm tiền vốn là 24.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi. Bà L ép buộc bà ghi giấy mượn số tiền 78.000.000 đồng và hứa cho bà trả dần số tiền này nên bà mới viết giấy mượn tiền. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vốn là 24.000.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, nhưng xin 06 tháng trả hết 28.000.000 đồng. Bà không đồng ý trả 50.000.000 đồng vì số tiền này là tiền lãi.

Bà mượn số tiền 24.000.000 đồng của bà L để lo cho con học hành và mua phân thuốc chăm sóc vườn sầu riêng của vợ chồng bà. Ông H cũng biết về số nợ này và đồng ý trả nhưng xin trả dần và không đồng ý trả tiền lãi.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông H, bà X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị L yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị X và ông Lê Minh H trả số tiền đã mượn.

Bà X, ông H có địa chỉ tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay mượn tiền giữa bà L với bà X, ông H có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét "Giấy mượn tiền ngày 29/02/2022 âm lịch" do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung bà X mượn của bà L số tiền là 78.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 26/4/2023 và ngày 22/5/2023, bà X cũng thừa nhận Giấy mượn tiền này là do bà X viết và ký tên người mượn tiền. Tuy nhiên, bà X cho rằng bà chỉ vay của bà L 24.000.000 đồng và nợ tiền lãi 4.000.000 đồng, tổng cộng bà chỉ nợ của bà L 28.000.000 đồng. "Giấy mượn tiền ngày 29/02/2022 âm lịch" là bao gồm tiền vốn 24.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi, do bà L ép buộc và hứa cho bà trả dần nên bà X mới viết giấy mượn tiền nhưng bà X không có chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền bà X còn nợ lại bà L là 78.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà X xác định số tiền bà mượn bà L để lo sinh hoạt trong gia đình, chồng bà là ông H cũng biết và đồng ý trả số tiền vốn cho bà L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà X, ông H trong thời kỳ hôn nhân. Hơn nữa, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, giao dịch cho vay mượn số tiền 78.000.000 đồng giữa bà L với bà X, ông H thực tế đã phát sinh nhưng đến nay bà X, ông H vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà X, ông H phải trả cho bà L số tiền 78.000.000 đồng.

2.3. Xét ý kiến của bà X trong quá trình giải quyết vụ án, xin trả dần số tiền 28.000.000 đồng trong 06 tháng nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

1. Buộc bà Phạm Thị X và ông Lê Minh H phải trả cho bà Võ Thị L số tiền 78.000.000 đ (Bảy mươi tám triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị X và ông Lê Minh H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị X và ông Lê Minh H phải chịu 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị L số tiền 1.950.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017442 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh